

Tổng Công ty Đầu Tư và Phát Triển Công Nghiệp TNHH MTV
(BECAMEX IDC)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

6 THÁNG NĂM 2017

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 19 Tháng 10 Năm 2017

GIÁM ĐỐC HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ

Kính gửi :



Nguyễn Danh Tùng

MỤC LỤC

1. Mục lục
2. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
3. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017
4. Phần II: Tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước
5. Phần III: Thuế GTGT được khấu trừ, Thuế GTGT được hoàn lại
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính ngày 30 tháng 06 năm 2017
7. Bảng cân đối số phát sinh tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
8. Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TNHH MTV

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.224.048.146.124	32.812.096.137.150
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.325.605.840.509	1.215.143.647.741
1. Tiền	111		235.410.837.901	260.033.102.796
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.090.195.002.608	955.110.544.945
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		316.560.000.000	1.622.560.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		316.560.000.000	1.622.560.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.802.114.753.318	11.922.481.605.404
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6.969.798.097.027	7.025.817.215.687
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.018.902.309.079	576.004.168.936
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây c	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		25.500.000.000	25.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	3.787.202.514.764	4.294.401.044.133
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6		
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		711.832.448	759.176.648
IV. Hàng tồn kho	140		18.722.687.880.448	17.862.873.349.893
1. Hàng tồn kho	141	V.7	18.722.687.880.448	17.862.873.349.893
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		57.079.671.849	189.037.534.112
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	48.521.124.834	15.695.071.723
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.579.283.266	4.579.283.266
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	3.979.263.749	168.763.179.123
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TNHH MTV

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.479.310.043.547	10.605.376.348.198
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.681.974.159.515	1.733.974.159.516
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.681.974.159.515	1.733.974.159.516
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		230.272.951.776	244.118.463.215
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	199.533.511.749	214.459.867.992
- Nguyên giá	222		561.653.392.405	557.625.836.879
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(362.119.880.656)	(343.165.968.887)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	30.739.440.027	29.658.595.223
- Nguyên giá	228		38.929.691.170	37.409.491.170
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.190.251.143)	(7.750.895.947)
III. Bất động sản đầu tư	230		394.698.488.206	370.598.651.248
- Nguyên giá	231		419.349.820.085	387.683.768.296
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24.651.331.879)	(17.085.117.048)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.245.146.506	7.961.078.052
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	12.245.146.506	7.961.078.052
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.156.786.647.686	8.242.326.790.686
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.056.763.963.000	4.142.304.106.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.171.234.003.547	4.171.234.003.547
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	52.763.530.000	52.763.530.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(123.974.848.861)	(123.974.848.861)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.332.649.858	6.397.205.481
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.332.649.858	6.397.205.481
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		42.703.358.189.671	43.417.472.485.348

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TNHH MTV

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		33.168.710.224.493	33.885.697.619.588
I. Nợ ngắn hạn	310		19.699.132.741.103	22.820.046.382.627
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	677.382.407.715	2.070.527.476.529
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.625.447.656.045	1.281.774.204.534
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9.926.426.512	730.142.409.890
4. Phải trả người lao động	314	V.15	24.729.084.063	29.201.303.877
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	12.903.721.182.153	12.817.111.057.763
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,c	506.259.454.988	700.180.185.958
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a,c	3.948.134.798.933	5.166.858.717.563
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.531.730.694	24.251.026.513
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		13.469.577.483.390	11.065.651.236.961
1. Phải trả người bán dài hạn	331		14.479.552.000	19.979.477.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		49.035.781.053	47.246.661.769
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b,c	12.405.042.145	3.327.816.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19 b,c	13.393.657.108.192	10.995.097.282.192
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TNHH MTV

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

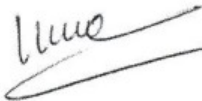
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	số	minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.534.647.965.178	9.531.774.865.760
I. Vốn chủ sở hữu	410		9.534.647.965.178	9.531.774.865.760
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	7.951.756.326.147	7.951.756.326.147
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.951.756.326.147	7.951.756.326.147
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	337.946.472.982	337.946.472.982
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		1.242.072.066.631	1.242.072.066.631
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	2.873.099.418	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.873.099.418	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		42.703.358.189.671	43.417.472.485.348

Bình Dương, ngày 31 tháng 07 năm 2017




Phan Thị Mỹ Kim
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Nhân
 Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hùng
 Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TNHH MTV

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (QUÍ II)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	364.602.772.183	349.162.405.551
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		364.602.772.183	349.162.405.551
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	205.466.916.218	207.150.518.717
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		159.135.855.965	142.011.886.834
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	61.644.805.731	27.501.759.654
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	72.448.839.215	12.255.077.113
Trong đó: chi phí lãi vay	23		71.740.481.256	(8.260.047.661)
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	112.874.811.601	87.851.665.399
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	36.436.540.092	32.679.473.056
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(979.529.212)	36.727.430.920
11. Thu nhập khác	31	VI.8	2.577.007.704	5.688.978.168
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.023.363.570	174.863.751
13. Lợi nhuận khác	40		1.553.644.134	5.514.114.417
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		574.114.922	42.241.545.337
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		574.114.922	42.241.545.337
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a,b		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a,b		

Bình Dương, ngày 31 tháng 07 năm 2017

Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểuNguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TNHH MTV

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (6T)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

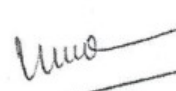
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	739.414.223.873	1.223.217.611.555
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2		3.604.913.186
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		739.414.223.873	1.219.612.698.369
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	457.383.708.940	935.659.881.105
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		282.030.514.933	283.952.817.264
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	96.742.348.224	68.859.044.423
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	124.001.051.001	77.143.435.155
Trong đó: chi phí lãi vay	23		117.969.722.038	75.727.134.090
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	185.378.071.879	189.319.548.875
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	68.556.382.253	69.085.578.176
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		837.358.024	17.263.299.481
11. Thu nhập khác	31	VI.8	3.059.367.273	11.243.403.487
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.023.625.879	16.203.944.671
13. Lợi nhuận khác	40		2.035.741.394	(4.960.541.184)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.873.099.418	12.302.758.297
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.873.099.418	12.302.758.297
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a,b		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a,b		

Bình Dương, ngày 30 tháng 06 năm 2017




Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TNHH MTV

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

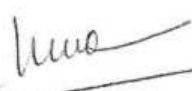
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

PHẦN II
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC
Quý II NĂM 2017

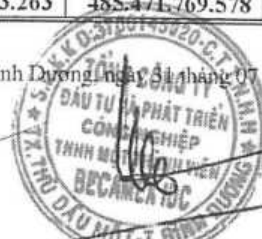
CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp đầu kỳ	SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ		Số còn phải nộp cuối kỳ
			Số Phải nộp	Số đã nộp	
I. Thuế	10				
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	(266.952.509)	865.543.244	16.595.033	581.995.702
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12				
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	13				
4. Thuế nhập khẩu	14				
Thuế xuất khẩu					
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	(173.905.483.934)	171.864.504.686		(2.040.979.248)
6. Thuế thu nhập doanh nghiệp tiền độ		3.790.710.004		3.790.710.004	
7. Thuế thu nhập cá nhân	16	4.029.110.351	6.079.015.451	6.021.190.515	4.086.935.287
8. Thuế tài nguyên	17		9.860.200	9.860.200	
9. Thuế nhà đất	18	(1.938.284.501)	1.000.000.000	1.000.000.000	(1.938.284.501)
10. Tiền thuế đất	19				
11. Các loại thuế khác	20		291.697.382	255.750.014	35.947.368
II. Các khoản phải nộp khác	30				
1. Các khoản phải thu	31				
2. Các khoản phí, phí bảo vệ môi trường	32		436.162.300	436.162.300	
3. Các khoản khác	33	571.690.441		571.690.441	
4. Lợi nhuận nộp ngân sách	34	478.591.359.226		473.369.811.071	5.221.548.155
TỔNG CỘNG	40	310.872.149.078	180.546.783.263	485.471.769.578	5.947.162.763

Bình Dương, ngày 30 tháng 07 năm 2017


Phan Thị Mỹ Kim
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Nhân
 Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hùng
 Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TNHH MTV

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

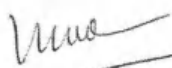
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

PHẦN II
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC
6 THÁNG NĂM 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp đầu kỳ	SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ		Số còn phải nộp cuối kỳ
			Số Phải nộp	Số đã nộp	
I. Thuế	10				
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	47.078.707.121	3.923.657.400	50.420.368.819	581.995.702
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12				
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	13				
4. Thuế nhập khẩu	14				
Thuế xuất khẩu					
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	(173.819.161.638)	171.778.182.390		(2.040.979.248)
6. Thuế thu nhập doanh nghiệp tiền độ		6.994.267.016		6.994.267.016	
7. Thuế thu nhập cá nhân	16	3.887.136.202	14.974.152.259	14.774.353.174	4.086.935.287
8. Thuế tài nguyên	17	6.525.400	9.860.200	16.385.600	
9. Thuế nhà đất	18	(1.938.284.501)	1.000.000.000	1.000.000.000	(1.938.284.501)
10. Tiền thuế đất	19				
11. Các loại thuế khác	20		363.393.928	327.446.560	35.947.368
II. Các khoản phải nộp khác	30				
1. Các khoản phải thu	31				
2. Các khoản phí, phí bảo vệ môi trường	32	6.991.500	436.162.300	443.153.800	
3. Các khoản khác	33	571.690.441		571.690.441	
4. Lợi nhuận nộp ngân sách	34	678.591.359.226		673.369.811.071	5.221.548.155
TỔNG CỘNG	40	561.379.230.767	192.485.408.477	747.917.476.481	5.947.162.763

Bình Dương, ngày 30 tháng 06 năm 2017


Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TNHH MTV

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

PHẦN III**THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ, THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN LẠI,
THUẾ GTGT ĐƯỢC GIẢM, THUẾ GTGT HÀNG BÁN NỘI ĐỊA**

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã Số	SỐ TIỀN	
		Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
1	2	3	4
I. Thuế GTGT được khấu trừ			
1. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại đầu kỳ	10	4.579.283.266	4.579.283.266
2. Số thuế GTGT được khấu trừ phát sinh	11	31.319.715.935	49.751.717.212
3. Số thuế GTGT được khấu trừ, đã được hoàn lại, thuế GTGT hàng mua trả lại và không được khấu trừ (12=13+14+15+16)	12	31.319.715.935	49.751.717.212
Trong đó			
a) Số thuế GTGT đã khấu trừ	13	31.301.121.682	49.714.871.882
b) Số thuế GTGT đã hoàn lại	14		
c) Số thuế GTGT hàng mua trả lại, giảm giá hàng mua	15		
d) Số thuế GTGT không được khấu trừ	16	18.594.253	36.845.330
4. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại cuối kỳ (17 = 10 + 11 - 12)	17	4.579.283.266	4.579.283.266
II. Thuế GTGT được hoàn lại			
1. Số thuế GTGT còn được hoàn lại đầu kỳ	20	4.579.283.266	4.579.283.266
2. Số thuế GTGT được hoàn lại phát sinh	21		
3. Số thuế GTGT đã hoàn lại	22		
4. Số thuế GTGT còn được hoàn lại cuối kỳ (23=20+21-22)	23	4.579.283.266	4.579.283.266
III. Thuế GTGT được giảm			
1. Số thuế GTGT còn được giảm đầu kỳ	30		
2. Số thuế GTGT được giảm phát sinh	31		
3. Số thuế GTGT đã được giảm	32		
4. Số thuế GTGT còn được giảm cuối kỳ (33=30+31-32)	33		
IV. Thuế GTGT hàng bán nội địa			
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	40	(266.952.509)	47.078.707.121
2. Thuế GTGT đầu ra phát sinh	41	32.166.664.926	53.669.733.362
3. Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	42	31.301.121.682	49.714.871.882
4. Thuế GTGT hàng bán bị trả lại, bị giảm giá	43		9.390.080
5. Thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế phải nộp	44		21.814.000
6. Thuế GTGT hàng bán nội địa và đã nộp vào ngân sách nhà nước	45	16.595.033	50.420.368.819
7. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	46	581.995.702	581.995.702
(46 = 40 + 41 - 42 - 43 - 44 - 45)			

Bình Dương, ngày 31 tháng 07 năm 2017



Phan Thị Mỹ Kim
Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Nhân
Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TONG CONG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TNHH MTV

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.873.099.418	(29.938.787.040)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	26.959.481.796	13.671.630.510
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.6	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(300.525.678)	24.238.146
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(78.994.752.703)	(41.333.049.623)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	117.969.722.038	64.535.368.770
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		68.507.024.871	6.959.400.763
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(355.705.634.215)	(570.494.967.395)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(859.814.530.555)	(622.203.559.608)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(889.700.823.779)	904.923.537.398
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(29.761.497.488)	(97.551.330.046)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(44.142.989.951)
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, VI.4	(431.233.245.586)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.994.267.016)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		19.997.831.233	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(20.822.558.819)	11.887.100.587
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.505.527.701.354)	(410.622.808.252)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10, V.11	(41.749.601.165)	(3.889.922.791)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		395.896.046	1.216.673.810
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		130.000.000.000	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.436.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(142.723.867)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.080.330.030.000	1.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	610.293.601.182	64.175.021.738
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.215.269.926.063	62.359.048.890

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	5.146.404.446.287	1.509.212.682.541
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(4.745.054.721.081)	(1.108.952.608.372)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(571.690.441)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		400.778.034.765	400.260.074.169
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.110.520.259.474	51.996.314.807
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.215.085.581.035	2.019.424.485.531
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2.325.605.840.509	2.071.420.800.338

Bình Dương, ngày 31 tháng 07 năm 2017

Phan Thị Mỹ Kim

Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Nhân

Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là Công ty TNHH một thành viên vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp theo Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Dịch vụ cho thuê, quản lý và xử lý nước thải khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Sản xuất và chế biến mù cưa cao su.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc Tổng Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông. Xây dựng dân dụng & công nghiệp, kinh doanh bất động sản	78,80%	78,80%	78,80%
Công ty cổ phần phát triển đô thị	C1-2-3 đường DT6, khu liên hợp công nghiệp dịch vụ Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất bê tông trộn sẵn. Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và đô thị. Kinh doanh bất động sản.	51%	51%	51%
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Lô I, Đồng Khởi, phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh và đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị. Thi công các công trình công nghiệp và dân dụng. Sản xuất vật liệu xây dựng.	60,70%	60,70%	60,70%
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Xây dựng dân dụng và công nghiệp. San lấp mặt bằng, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư.	51,82%	51,82%	51,82%

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Đường TC3, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.			
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Khám chữa bệnh Sân xuất, kinh doanh bê tông. Thi công, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp	65,47%	65,47%	65,47%
Công ty cổ phần dược Becamex	Đường NA6, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Dược phẩm	73,37%	73,37%	73,37%
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ và đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Giáo dục	51%	51%	51%
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước - môi trường Bình Dương	Số 11, Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Đầu tư, kinh doanh cấp và thoát nước	51%	51%	51%
Công ty cổ phần cao su Bình Dương	Đường ĐT750, xã Cây Trông, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	Nuôi trồng, kinh doanh cao su, mủ cao su	72,22%	72,22%	72,22%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	Số 8, đại lộ Hữu Nghị, VSIP, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh khu công nghiệp	49%	49%	49%
Công ty cổ phần Setia – Becamex	Phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh bất động sản	40%	40%	40%
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	Số 9 Hoàng Văn Thụ, khu đô thị Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh chứng khoán	37,15%	37,15%	37,15%
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, đầu tư vốn	20%	20%	20%
Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Lô Z.01-02-03A khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm	35,19%	35,19%	35,19%
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	21 VSIP II, đường số 1 khu công nghiệp VSIP II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh viễn thông, công nghệ thông tin	48,59%	48,59%	48,59%
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ và đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh khu đô thị	35%	35%	35%
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Lô M2 Lý Thái Tổ, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh giáo dục	50%	50%	50%

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp phát triển công nghiệp Mỹ Phước	Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp phát triển công nghiệp Bàu Bàng - Thới Hòa	Khu công nghiệp Bàu Bàng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên	Phòng 1908-09 tầng 19, cao ốc Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Ban quản lý phát triển khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương	Đường Huỳnh Văn Lũy, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

8. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng Công ty có 2.302 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 2.132 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cost và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cost và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cost được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và hàng hóa bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí quảng cáo

Chi phí quảng cáo được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí vận hành Grand Square

Chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	10

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng thuộc sở hữu của Tổng Công ty và nhà ở xã hội được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của nhà văn phòng là 50 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

Tài sản vô hình khác

Tài sản vô hình khác bao gồm chi phí thiết kế trang web, các giấy chứng nhận ISO. Các chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 10 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chi phí phát hành trái phiếu.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

Trong năm tài chính đã giải thể trung tâm nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ số quỹ còn lại đã hoàn nhập vào thu nhập khác.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Hội đồng thành viên phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tổng Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tổng Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.342.747.076	3.617.097.715
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	231.068.090.825	256.416.005.081
Các khoản tương đương tiền	2.090.195.002.608	955.110.544.945
Cộng	2.325.605.840.509	1.215.143.647.741

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Toàn bộ khoản tiền gửi này được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty tại ngân hàng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dầu tư vào công ty con	3.056.763.963.000	(9.309.259.040)	4.142.304.106.000	(9.309.259.040)
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật ⁽ⁱ⁾	1.085.540.143.000		2.171.080.286.000	
Công ty cổ phần phát triển đô thị ⁽ⁱⁱ⁾	84.150.000.000		84.150.000.000	
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	607.005.000.000		607.005.000.000	
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương ^(iv)	155.472.580.000		155.472.580.000	
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước ^(v)	148.934.000.000	(9.309.259.040)	148.934.000.000	(9.309.259.040)
Công ty cổ phần bê tông Becamex ^(vi)	73.367.040.000		73.367.040.000	
Công ty cổ phần dược Becamex ^(vii)	22.195.200.000		22.195.200.000	
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông ^(viii)	30.600.000.000		30.600.000.000	
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước - môi trường Bình Dương ^(ix)	765.000.000.000		765.000.000.000	
Công ty cổ phần cao su Bình Dương ^(x)	84.500.000.000		84.500.000.000	
Dầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4.171.234.003.547	(114.665.589.821)	4.171.234.003.547	(114.665.589.821)
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore ^(xi)	461.013.591.047		461.013.591.047	
Công ty cổ phần Setia – Becamex ^(xii)	264.000.000.000	(85.829.412.822)	264.000.000.000	(85.829.412.822)
Công ty cổ phần chứng khoán Đề Nhất ^(xiii)	111.445.780.000		111.445.780.000	
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương ^(xiv)	60.000.000.000		60.000.000.000	
Công ty cổ phần dược phẩm Savi ^(xv)	56.158.252.500	(430.404.697)	56.158.252.500	(430.404.697)
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam ^(xvi)	117.116.380.000	(28.405.772.302)	117.116.380.000	(28.405.772.302)
Công ty TNHH Becamex Tokyu ^(xvii)	3.010.000.000.000		3.010.000.000.000	
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông ^(xviii)	91.500.000.000		91.500.000.000	
Dầu tư góp vốn vào đơn vị khác	52.763.530.000		52.763.530.000	
Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam – Singapore ^(xix)	52.025.280.000		52.025.280.000	
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam ^(xx)				
Công ty cổ phần phát triển và công nghệ Becamex ^(xxi)	738.250.000		738.250.000	
Cộng	7.280.761.496.547	(123.974.848.861)	8.366.301.639.547	(123.974.848.861)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700805566 thay đổi lần thứ 9 ngày 29 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật 2.160.660.060.000 VND, tương đương 78,80% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700785535 thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 7 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển đô thị 84.150.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700413826 thay đổi lần thứ 19 ngày 03 tháng 02 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương 607.005.000.000 VND, tương đương 60,70% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700408992 thay đổi lần thứ 11 ngày 03 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương 155.472.580.000 VND, tương đương 51,82% vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700696042 thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước 148.934.000.000 VND, tương đương 65,47% vốn điều lệ (trong đó bao gồm số Tổng Công ty tạm thời góp vốn thay cho các bác sỹ và nhân viên của Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước là 10.417.000.000 VND và sẽ chuyển giao lại cho các bác sỹ và nhân viên Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước theo quy định tại điều lệ Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước).
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 6 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông Becamex 73.367.040.000 VND, tương đương 73,37% vốn điều lệ.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700683163 thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần được Becamex 20.604.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 thay đổi lần thứ 1 ngày 13 tháng 9 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Trường Đại học Quốc tế Miền Đông 30.600.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.
- (ix) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 thay đổi lần thứ 12 ngày 30 tháng 9 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước – môi trường Bình Dương 51% vốn điều lệ tương đương 765.000.000.000 VND.
- (x) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700248731 thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn điều lệ 117.000.000đ. Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần cao su Bình Dương 84.500.000.000 VND, tương đương 72,22% vốn điều lệ. Trong năm Tổng Công ty đã điều chỉnh giảm vốn 13.000.000.000đ VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty đã đầu tư 84.500.000.000 VND, tương đương 72,22% vốn điều lệ (số đầu năm là 97.500.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ)
- (xi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 463023000267 thay đổi lần thứ 8 ngày 22 tháng 7 năm 2008 do Ban Quản lý khu công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore 461.013.591.047 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.
- (xii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461032000230 thay đổi lần thứ 4 ngày 05 tháng 01 năm 2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Setia – Becamex 264.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.
- (xiii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700334885 thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất 111.445.780.000 VND, tương đương 37,15% vốn điều lệ
- (xiv) Theo Giấy phép điều chỉnh số 50GP/KDBH thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 7 năm 2012 do Bộ Tài chính cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương 60.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (xv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303923529 thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần dược phẩm Savi 56.158.252.500 VND, tương đương 35,19% vốn điều lệ.
- (xvi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700861497 thay đổi lần thứ 4 ngày 15 tháng 4 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam 117.116.380.000 VND tương đương 48,59% vốn điều lệ. Trong năm, Tổng Công ty đã đầu tư thêm 8.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty đã đầu tư 117.116.380.000 VND, tương đương 48,59% vốn điều lệ (số đầu năm là 109.116.380.000 VND, tương đương 44,50 % vốn điều lệ)
- (xvii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461022000756 thay đổi lần thứ 4 ngày 04 tháng 02 năm 2016 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Becamex Tokyu 3.010.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ.
- (xviii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701972175 ngày 24 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông 91.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (xix) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011032000080 thay đổi gần nhất ngày 20 tháng 01 năm 2016 do Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam – Singapore 52.025.280.000 VND, tương đương 8% vốn điều lệ.
- (xx) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702081936 ngày 08 tháng 8 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển và công nghệ Becamex 738.250.000 VND, tương đương 12% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển và công nghệ Becamex là 1.661.750.000 VND.

Giá trị hợp lý

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	123.974.848.861	123.974.848.861
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm	(123.974.848.861)	(123.974.848.861)

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	3.253.828.442.903	3.292.422.426.813
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	1.631.443.880.660	1.631.452.531.460
Công ty cổ phần phát triển đô thị	12.895.200	6.136.560
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	1.014.808.917.926	1.013.180.099.757

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	480.065.839.378	480.400.570.406
Công ty cổ phần bê tông Becamex	168.561.245	146.908.476
Công ty cổ phần dược Becamex	72.173.290.131	75.401.587.731
Công ty cổ phần cao su Bình Dương		740.501.995
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	39.689.258.920	71.498.822.085
Công ty cổ phần Setia – Becamex	11.471.166.757	11.471.166.757
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	3.808.706.484	3.570.962.606
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex		2.090.090.640
Công ty TNHH một thành viên tư vấn đầu tư xây dựng Việt		2.429.040.878
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	12.711.182	34.007.462
Công ty cổ phần nước môi trường BD	173.215.020	
Công ty cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>3.715.969.654.124</i>	<i>3.733.394.788.874</i>
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương	3.139.420.856.152	3.139.420.856.152
Công ty cổ phần đầu tư Lộc phát	93.685.849.278	93.685.849.278
Công ty cổ phần Đất việt	18.712.783.339	
Công ty cổ phần Nam việt phát	82.894.182.900	
Ngân hàng TMCP ngoại thương –CN BD	24.388.472.024	
Các khách hàng khác	356.867.510.431	500.288.083.444
Cộng	<u>6.969.798.097.027</u>	<u>7.025.817.215.687</u>

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.677.699.019.515</i>	<i>1.728.199.019.515</i>
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	4.065.691.770	4.065.691.770
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	1.270.092.505.000	1.270.092.505.000
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	401.977.797.831	451.977.797.831
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	1.563.024.914	2.063.024.914
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>4.275.140.000</i>	<i>5.775.140.001</i>
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư	4.275.140.000	5.775.140.001
Công ty cổ phần đầu tư Lộc Phát		
Các khách hàng khác		
Cộng	<u>1.681.974.159.515</u>	<u>1.733.974.159.516</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>547.089.458.380</i>	<i>457.340.764.134</i>
Công ty cổ phần kinh doanh và PT Bình Dương	547.089.458.380	457.340.764.134
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>471.812.850.699</i>	<i>118.663.404.802</i>
Cộng	1.018.902.309.079	576.004.168.936

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Công ty TNHH Tùng Trần vay với lãi suất 5%/năm	5.500.000.000	5.500.000.000
Cho Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ và đầu tư vay với lãi suất 5%/năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	25.500.000.000	25.500.000.000

6. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>3.531.982.293.344</i>	<i>-</i>	<i>4.006.491.253.780</i>	<i>-</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.139.879.244.070		3.671.506.628.804	
<i>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</i>	<i>569.410.424.702</i>		<i>569.410.424.702</i>	
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>	<i>12.437.806.400</i>		<i>12.437.806.400</i>	
<i>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương</i>	<i>284.747.675.000</i>		<i>281.712.650.000</i>	
<i>Công ty cổ phần phát triển đô thị</i>			<i>4.207.500.000</i>	
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>	<i>13.206.067.200</i>		<i>14.005.056.000</i>	
<i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i>				
<i>Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore</i>	<i>2.153.232.745.722</i>		<i>2.598.544.745.722</i>	
<i>Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất</i>				
<i>Công ty cổ phần dược Becamex</i>	<i>1.030.200.000</i>		<i>1.854.360.000</i>	
<i>Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương</i>	<i>2.760.000.000</i>			
<i>Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam</i>			<i>3.896.400.000</i>	
<i>Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước – môi trường Bình Dương</i>	<i>101.365.355.046</i>		<i>185.437.685.980</i>	
<i>Công ty cổ phần dược phẩm Savi</i>	<i>1.688.970.000</i>			
<i>Công ty cổ phần phát triển HTKT Becamex-Bình Phước</i>	<i>21.795.973.200</i>			
<i>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Lãi chậm trả cổ tức</i>	<i>49.609.319.780</i>		<i>37.670.341.105</i>	
<i>Công ty cổ phần hạ tầng kỹ thuật - Lãi chậm trả cổ tức</i>	<i>104.138.312.503</i>		<i>81.966.986.119</i>	
<i>Trường Đại học Quốc tế Miền Đông</i>	<i>122.725.888.476</i>		<i>122.725.888.476</i>	

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu chi hộ lương cho nhân viên				
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông				
- Phải thu chi hộ chi phí hoạt động	86.808.278.133		86.808.278.133	
Trung tâm đào tạo Nhật ngữ và toán học – Trường Đại học Quốc tế Miền Đông				
- Phải thu chi hộ chi phí hoạt động	7.025.277.182		5.813.131.143	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>255.932.053.868</i>		<i>288.668.967.001</i>	
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay			29.980.281.665	
Phải thu thanh lý khoản đầu tư	83.600.020.000		86.600.020.000	
Thuế giá trị gia tăng tạm nộp theo số tiền khách hàng ứng trước để sang nhượng và thuê đất	96.025.436.699		97.834.162.163	
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp theo số tiền khách hàng ứng trước để sang nhượng và thuê đất	12.440.873.135		12.621.745.681	
Thuế thu nhập cá nhân			1.391.498.933	
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	892.978.413		3.216.405.400	
Tạm ứng chi phí công tác	39.438.484.451		22.268.067.129	
Tài sản thiếu chờ xử lý	711.832.448		759.176.648	
Các khoản kỳ quỹ ngắn hạn	90.000.000		105.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	22.732.428.722		33.892.609.382	
Cộng	3.787.914.347.212		4.295.160.220.781	

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	52.774.852.470		43.063.621.144	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ^(*)	17.154.652.247.754		16.308.913.405.653	
Thành phẩm	86.019.230		86.019.230	
Hàng hóa	1.515.174.760.994		1.510.810.303.866	
Cộng	18.722.687.880.448		17.862.873.349.893	

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của Tổng Công ty là chi phí xây dựng dở dang của các dự án bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, các chi phí phải trả để có được quyền sử dụng đất, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan đến dự án. Một số tài sản đầu tư xây dựng dở dang đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của các ngân hàng và trái phiếu phát hành (xem thuyết minh số V.20).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	662.011.453	783.741.441
Chi phí thuê nhà, văn phòng	66.666.666	852.516.666

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí đồng phục nhân viên		
Chi phí lãi vay	32.944.295.840	
Chi phí Quảng cáo	7.924.840.909	
Chi phí phần mềm		
Chi phí môi giới	1.704.000.000	2.372.000.000
Chi phí tư vấn		
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.219.309.966	11.686.813.616
Cộng	48.521.124.834	15.695.071.723

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí nguyên vật liệu		146.839.925
Chi phí Công cụ, dụng cụ	16.972.726	36.457.852
Chi phí quảng cáo	424.242.424	424.242.424
Chi phí vận hành Grand Square	2.408.146.726	5.297.922.798
Chi phí lắp đặt hệ thống mạng	272.375.830	280.830.330
Các chi phí trả trước dài hạn khác	210.912.152	210.912.152
Cộng	3.332.649.858	6.397.205.481

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Vườn cây lâu năm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	217.230.297.137	34.592.408.621	273.750.926.325	32.052.204.796		557.625.836.879
Mua trong năm	707.433.636	882.080.000		1.775.782.800		3.365.296.436
Đầu tư XDCB hoàn thành	662.259.090					662.259.090
Thanh lý, nhượng bán						
Giảm khác (đánh giá lại TSCĐ)						
Số cuối năm	218.599.989.863	35.474.488.621	273.750.926.325	33.827.987.596		561.653.392.405
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	79.666.154.618	23.122.563.425	213.791.429.750	26.585.821.094		343.165.968.887
Khấu hao trong năm	8.381.840.087	2.044.646.954	6.885.736.490	1.641.761.038		18.953.984.569
Thanh lý, nhượng bán						
Giảm khác (đánh giá lại TSCĐ)				72.800		72.800
Số cuối năm	88.047.994.705	25.167.210.379	220.677.166.240	28.227.509.332		362.119.880.656
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	137.564.142.519	11.469.845.196	59.959.496.575	5.466.383.702		214.459.867.992
Số cuối năm	130.551.995.158	10.307.278.242	53.073.760.085	5.600.478.264		199.533.511.749
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	30.078.157.651	6.915.969.389	415.364.130	37.409.491.170
Mua trong năm		1.520.200.000		1.520.200.000
Số cuối năm	30.078.157.651	8.436.169.389	415.364.130	38.929.691.170
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.583.060.928	5.752.470.889	415.364.130	7.750.895.947
Khấu hao trong năm	395.765.232	43.589.964		439.355.196
Số cuối năm	1.978.826.160	5.796.060.853	415.364.130	8.190.251.143
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	28.495.096.723	1.163.498.500		29.658.595.223
Số cuối năm	28.099.331.491	2.640.108.536		30.739.440.027
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng Đang chờ thanh lý				

11. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	387.683.768.296	17.085.117.048	370.598.651.248
Mua mới trong năm			
Giảm trong năm			
Kết chuyển từ CPXD nhà xưởng	31.666.051.789		31.666.051.789
Khấu hao trong năm		7.566.214.831	7.566.214.831
Số cuối năm	419.349.820.085	24.651.331.879	394.698.488.206

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Khách sạn Becamex	184.338.675.220	11.521.167.206	172.817.508.014
Becamex Tower tầng 15,16,17	74.468.618.986	5.221.773.441	69.246.845.545
Nhà ở xã hội	128.876.474.090	5.595.861.463	123.280.612.627
Nhà xưởng Bàu Bàng	31.666.051.789	2.312.529.769	29.353.522.020
Cộng	419.349.820.085	24.651.331.879	394.698.488.206

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Số đầu năm				

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	7.961.078.052	4.946.327.544			12.907.405.596
Xây dựng cơ bản dở dang			662.259.090		662.259.090
Cộng	7.961.078.052	4.946.327.544	662.259.090		12.245.146.506

13. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>570.492.189.337</i>	<i>1.944.784.506.307</i>
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	86.854.654.000	1.500.055.834.877
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	386.664.601.479	342.225.812.183
Công ty cổ phần bê tông Becamex	32.301.350.188	17.334.297.385
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước – môi trường Bình Dương	294.948.400	218.311.240
Xí nghiệp TV cấp thoát nước môi trường BD	160.164.600	180.604.600
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	18.829.338.234	40.708.939.273
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex	7.794.364.246	5.241.719.300
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	1.203.706.553	2.928.439.661
Công ty TNHH một thành viên tư vấn đầu tư xây dựng Việt	12.842.397.140	12.375.063.528
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex		122.602.700
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	23.546.664.497	21.840.876.560
Công ty TNHH xe buýt TOKYU		1.552.005.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>106.890.218.378</i>	<i>125.742.970.222</i>
Cộng	677.382.407.715	2.070.527.476.529

13b. Phải trả người bán dài hạn

Công ty Cty CP phát triển hạ tầng kỹ thuật.	14.479.552.000	19.979.477.000
Cộng	14.479.552.000	19.979.477.000

13c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>2.844.312.491</i>	<i>2.730.975.870</i>
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	2.844.312.491	2.730.975.870
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương		
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>1.622.603.343.554</i>	<i>1.279.043.228.664</i>

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các hộ khu dân cư Thới Hòa ứng trước tiền mua đất	44.537.969.999	32.140.459.999
Công ty TNHH CN KOLON BD	281.673.825.256	140.744.032.712
Công ty CP TANAKA AI	52.284.375.000	
Các nhà đầu tư khu công nghiệp	1.244.107.173.299	1.106.158.735.953
Cộng	1.625.447.656.045	1.281.774.204.534

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	47.078.707.121		3.923.657.400	50.420.368.819	581.995.702	
Thuế thu nhập doanh nghiệp		166.824.894.622	171.778.182.390	6.994.267.016		2.040.979.248
Thuế thu nhập cá nhân	3.887.136.202		14.974.152.259	14.774.353.174	4.086.935.287	
Thuế tài nguyên	6.525.400		9.860.200	16.385.600		
Thuế sử dụng đất		1.938.284.501	1.000.000.000	1.000.000.000		1.938.284.501
Các loại thuế khác						
Các khoản phí, phí bảo vệ môi trường	6.991.500		373.958.428	345.002.560	35.947.368	
Các khoản khác						
Lợi nhuận nộp ngân sách	679.163.049.667		425.597.800	674.367.099.312	5.221.548.155	
Cộng	730.142.409.890	168.763.179.123	192.485.408.477	747.917.476.481	9.926.426.512	3.979.263.749

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xử lý nước thải, bán mù cao su thô, đèn bù, giải phóng mặt bằng Không chịu thuế
- Dịch vụ cung cấp nước sạch sinh hoạt 5%
- Các hoạt động khác 10%

Riêng thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với bán, cho thuê nhà ở xã hội là 5% kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Tổng Công ty được giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đối với bán, cho thuê nhà ở thương mại có diện tích sàn dưới 70 m² và có giá bán dưới 15 triệu VND/m².**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập từ bán, cho thuê nhà ở xã hội nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% cho thu nhập phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.034.069.428.042
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		22.265.429.670
- Lỗ CLTG đánh giá lại SD cuối năm tiền		1.044.666.437
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế		1.057.379.524.149
Thu nhập được miễn thuế		(816.581.401.605)
Lỗ các năm trước được chuyển		(39.587.103.072)
Thu nhập tính thuế		201.211.019.472
Trong đó : Quỹ phát triển KHCN		16.570.737.425
Thuế suất 25%		4.142.684.356
Lợi nhuận chịu thuế sau khi trừ quỹ PT KHCN		184.640.282.047
Thuế suất 20%		36.928.056.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		41.070.740.766
Thuế thu nhập doanh nghiệp tiến độ phải nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận doanh thu trong năm		6.994.267.016
Điều chỉnh thuế TNDN tiến độ đã HT DT trong năm		(3.790.710.004)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		44.274.297.778

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Tổng Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Thuế tài nguyên

Thuế tài nguyên được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả công nhân viên	18.563.165.962	20.363.542.203
Phải trả người lao động khác	6.165.918.101	8.837.761.674
Cộng	24.729.084.063	29.201.303.877

Quỹ lương năm 2016 của Tổng Công ty được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Chi phí lương của Tổng Công ty bao gồm quỹ lương được xác định theo hướng dẫn nêu trên và các khoản lương chuyển gia trong và ngoài nước được chi trả theo hợp đồng.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex – Phải trả phí dịch vụ		
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex – Phải trả phí dịch vụ		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>12.903.721.182.153</i>	<i>12.817.111.057.763</i>
Chi phí lãi vay phải trả		313.263.523.548
Trích trước giá vốn các dự án	12.903.062.800.438	12.502.667.534.215
Trích trước tiền thuê nhà	658.381.715	1.180.000.000
Cộng	12.903.721.182.153	12.817.111.057.763
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Tiền thuê đất nhận trước tại các khu CN	49.035.781.053	47.246.661.769

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>483.684.705.300</i>	<i>488.299.042.205</i>
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật - Tiền ứng vốn hợp tác kinh doanh	472.430.287.054	471.429.891.459
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật - Tiền lãi hợp tác kinh doanh tạm chia	11.254.418.246	11.254.418.246
Công ty cổ phần dược phẩm Savi - tiền mua cổ phiếu		5.489.152.500
Công ty CP nước môi trường BD-Phải trả tiền thù lao		125.580.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>22.574.749.688</i>	<i>211.881.143.753</i>
Kinh phí công đoàn	4.073.136.821	2.404.529.262
Bảo hiểm xã hội		
Tài sản thừa chờ xử lý	1.480.006.019	1.480.006.019
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.285.900.000	863.670.000
Phải nộp ngân sách nhà nước		188.297.448.865
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	15.735.706.848	18.835.489.607
Cộng	506.259.454.988	700.180.185.958

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	--------------------	-------------------

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	9.503.042.145	884.840.000
Công ty cổ phần xây dựng giao thông Bình Dương – Nhận ký quỹ dài hạn	312.840.000	312.840.000
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật – Nhận ký quỹ dài hạn	210.100.000	210.100.000
Công ty cổ phần TV TK & XD – Nhận ký quỹ dài hạn	20.000.000	20.000.000
Công ty cổ phần TNHH XD TÂN VỆ TÍN – Nhận ký quỹ dài hạn	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH TKXD MINH TRẦN – Nhận ký quỹ dài hạn		20.000.000
Công ty TNHH TVXD SINO PACIFIC– Nhận ký quỹ dài hạn	20.000.000	20.000.000
Xí nghiệp cấp nước Dĩ An– Nhận ký quỹ dài hạn	20.000.000	20.000.000
Công ty CP TM & XD ĐÌNH NGHIỆP– Nhận ký quỹ dài hạn	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH XDCN BINGFENG– Nhận ký quỹ dài hạn	20.000.000	20.000.000
Công ty CP ĐT XD Toàn Lộc– Nhận ký quỹ dài hạn	20.000.000	
Công ty TNHH GLOWTEC ENVIRONMENT VN– Nhận ký quỹ dài hạn	77.920.000	
Công ty TNHH CONDO VIET NAM VN	757.350.000	
Công ty TNHH SẢN XUẤT AN VIỆT	633.428.505	
Công ty TNHH ECCO VN	6.421.616.040	
Công ty TNHH T'S LAB	727.887.600	
Công ty CP Đất Việt- Nhận ký quỹ dài hạn	50.000.000	50.000.000
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Nhận ký quỹ dài hạn	171.900.000	171.900.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.902.000.000	2.442.976.000
Cộng	12.405.042.145	3.327.816.000

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.701.217.072.758	4.289.106.797.552
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	2.580.777.593.882	1.830.137.839.891
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾	555.729.429.698	1.888.815.550.939
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	50.000.000.000	150.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(iv)	361.490.284.200	249.148.525.279
Ngân hàng ngoại thương Bình Dương		

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á ^(v)</i>	153.219.764.978	171.004.881.443
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	79.977.726.175	76.798.276.175
<i>Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương ^(vi)</i>		
<i>Huy động vốn của các cá nhân ^(vii)</i>	79.977.726.175	76.798.276.175
<i>Ngân hàng PV Combank Việt nam</i>		
<i>Ngân hàng PG Bank Việt nam</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	166.940.000.000	274.880.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương</i>	30.000.000.000	60.000.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Bình Dương</i>		
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam- Chi nhánh Bình Dương</i>		
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương</i>	50.000.000.000	100.000.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai</i>	23.940.000.000	47.880.000.000
<i>Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương</i>	63.000.000.000	67.000.000.000
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)		526.073.643.836
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu petrolimex</i>		49.629.589.041
- <i>Mệnh giá trái phiếu</i>		50.000.000.000
- <i>Chi phí phát hành trái phiếu</i>		(370.410.959)
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần đại chúng VN</i>		476.444.054.795
<i>Công ty bảo Hiểm AIA</i>		
- <i>Mệnh giá trái phiếu</i>		480.000.000.000
- <i>Chi phí phát hành trái phiếu</i>		(3.555.945.205)
<i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt SGD Hà Nội</i>		
Cộng	3.948.134.798.933	5.166.858.717.563

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn, với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:

- Quyền kinh doanh và khai thác dự án khu công nghiệp Mỹ Phước 1 theo Hợp đồng thế chấp số 01A/83576/HĐMP1 ngày 27 tháng 9 năm 2007 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 407.341 triệu VND;
- Quyền kinh doanh và khai thác dự án khu công nghiệp Mỹ Phước 2 theo Hợp đồng thế chấp số 02A/83576/HĐMP2 ngày 30 tháng 11 năm 2007 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 614.107 triệu VND;
- Quyền kinh doanh và khai thác dự án khu công nghiệp Mỹ Phước 3 theo Hợp đồng thế chấp số 03A/83576/HĐMP3 ngày 24 tháng 3 năm 2008 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 717.533 triệu VND;
- Quyền sử dụng 140.116,8m² đất ở trong khu Thành phố mới Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2012/HĐ ngày 20 tháng 3 năm 2012 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 1.541.000 triệu VND;
- Quyền sử dụng 77.859,7m² đất dịch vụ tại phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2013/HĐ ký ngày 20 tháng 11 năm 2013 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 269.390 triệu VND;

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Quyền sử dụng 991.743,2m² đất ở tại xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 02/2013/HĐ ngày 27 tháng 12 năm 2013 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 1.090.883 triệu VND.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng số 12.57.07/HĐTD ngày 01 tháng 12 năm 2012 được sửa đổi bởi Hợp đồng tín dụng số 12.57.05/HĐTD ngày 13 tháng 12 năm 2013, Hợp đồng 01/2014-HĐTDHM/NHCT680-BECAMEX IDC CORP tháng 5 năm 2014 và Hợp đồng 01/2015-HĐTDHM/NHCT680-BECAMEX ngày 26 tháng 3 năm 2015 với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo:
- Thế chấp: Quyền sử dụng 53.776,6 m² đất thuộc xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) theo Hợp đồng thế chấp 11.07.05/HĐTC ngày 27 tháng 9 năm 2011.
 - Cầm cố các sổ tiền gửi có kỳ hạn số tiền 210 tỷ VND tại ngân hàng này
 - Cầm cố sổ tiền gửi có kỳ hạn số tiền 1.200 tỷ VND tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để tài đầu tư dự án khu liên hợp, với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng 102.394,9 m² đất của Tổng Công ty tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 721611 ngày 07 tháng 7 năm 2009.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng số 0203/2015/HĐTDHM ngày 02 tháng 3 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền hàng, chi phí đầu tư kinh doanh và các chi phí khác phù hợp với ngành nghề kinh doanh của bên vay được pháp luật cho phép, với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:
- Quyền sử dụng 80.404,2 m² đất số AN721596 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 07 tháng 7 năm 2009 thừa đất số 176, 283 (O3-3), tờ bản đồ số 7, 3 tại xã Định Hoà, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, giá trị định giá 582.930.000.000 VND;
 - Quyền sử dụng 26.021,2 m² đất số AN721513 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 07 tháng 7 năm 2009 thừa đất số 612, 578 (O2-9), tờ bản đồ số 20, 2 tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, giá trị định giá 188.653.700.000 VND;
 - Quyền sử dụng 27.292,3 m² đất số AN721599 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 07 tháng 7 năm 2009 thừa đất số 952, 590 (O3-6), tờ bản đồ số 1, 3 tại xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, giá trị định giá 197.869.175.000 VND;
 - Quyền sử dụng 11.309,6 m² đất số AN721605 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 07 tháng 7 năm 2009 thừa đất số 591 (O3-7), tờ bản đồ số 3 tại xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, giá trị định giá 81.994.600.000 VND.
- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á theo Hợp đồng tín dụng số 0615.15/HĐTD-HM ngày 30 tháng 12 năm 2015 với hạn mức tín dụng 200 tỷ VND, duy trì hạn mức tín dụng trong 12 tháng từ ngày 30 tháng 12 năm 2015. Mục đích vay để phát hành bảo lãnh và cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:
- Quyền sử dụng đất số BI 645760 cấp ngày 28 tháng 3 năm 2012 với tổng diện tích 6,698.9 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
 - Quyền sử dụng đất số AN 721582 ngày 07 tháng 7 năm 2009 với tổng diện tích 53,895.1 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
 - Quyền sử dụng đất số BI 645779 ngày 28 tháng 3 năm 2012 với tổng diện tích 20,031.8 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(vi) Các khoản huy động vốn của các cá nhân với lãi suất từ 0,75%/tháng đến 1%/tháng.

(vii) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 01 năm kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2016, mệnh giá 1.000.000.000 VND, lãi suất 10.5% /năm được phát hành cho Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam để cơ cấu lại các khoản nợ tài chính của Tổng Công ty. Tài sản đảm bảo:

- Quyền sử dụng đất số AN721588 ngày 07 tháng 7 năm 2009 với tổng diện tích 105.240 m² tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một)
- Quyền sử dụng đất số AN721589 ngày 07 tháng 7 năm 2009 với tổng diện tích 51.751.3 m² tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một)
- Quyền sử dụng đất số BI645787 ngày 28 tháng 3 năm 2012 với tổng diện tích 44.651.3 m² tại xã phường Hòa Phú, TX Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương (nay là phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một)

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	2.251.030.000.000	1.157.030.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	365.000.000.000	365.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾		
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	370.000.000.000	370.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ^(iv)	422.030.000.000	422.030.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Bình Dương ^(v)		
Ngân hàng China Construction Bank	1.094.000.000.000	
Vay Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương ^(vi)	223.000.000.000	223.000.000.000
Trái phiếu thường dài hạn	10.919.627.108.192	9.615.067.282.192
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(vii)	1.985.000.000.000	1.985.000.000.000
- Mệnh giá trái phiếu	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(viii)	990.460.666.667	990.460.666.667
- Mệnh giá trái phiếu	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(9.539.333.333)	(9.539.333.333)
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương IDC(2020)	1.069.697.520.000	1.069.697.520.000
- Mệnh giá trái phiếu	1.080.000.000.000	1.080.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(10.302.480.000)	(10.302.480.000)
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ^(ix)	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Mệnh giá trái phiếu		

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí phát hành trái phiếu		
Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam^(xi)	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- Mệnh giá trái phiếu		
- Chi phí phát hành trái phiếu		
Ngân hàng TNHH Indochina^(xi)	100.000.000.000	100.000.000.000
- Mệnh giá trái phiếu		
- Chi phí phát hành trái phiếu		
Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt^(xii)	200.000.000.000	200.000.000.000
- Mệnh giá trái phiếu		
- Chi phí phát hành trái phiếu		
Ngân hàng liên doanh Việt – Nga	396.184.266.667	396.184.266.667
- Mệnh giá trái phiếu	400.000.000.000	400.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(3.815.733.333)	(3.815.733.333)
Ngân hàng TNHH Indovina^(xiii)	198.092.133.333	198.092.133.333
- Mệnh giá trái phiếu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(1.907.866.667)	(1.907.866.667)
Ngân hàng TMCP Bảo Việt^{IDC (2020)}	297.138.200.000	297.138.200.000
- Mệnh giá trái phiếu	300.000.000.000	300.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.861.800.000)	(2.861.800.000)
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Ngân Lược^(xiii)	19.809.213.333	19.809.213.333
- Mệnh giá trái phiếu	20.000.000.000	20.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(190.786.667)	(190.786.667)
Ngân hàng TNCP Bảo Việt	247.083.835.616	247.083.835.616
- Mệnh giá trái phiếu	250.000.000.000	250.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.916.164.384)	(2.916.164.384)
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA VN	217.433.775.343	217.433.775.343
- Mệnh giá trái phiếu	220.000.000.000	220.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.566.224.657)	(2.566.224.657)
Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và PT VN – CH Bình Dương	494.167.671.233	494.167.671.233
- Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	500.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(5.832.328.767)	(5.832.328.767)
Công ty TNHH MTV QLQ NN TMCP Công thương	49.400.000.000	
- Mệnh giá trái phiếu	50.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(600.000.000)	
Công ty TNHH Bảo hiểm AIA VN	167.960.000.000	
- Mệnh giá trái phiếu	170.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.040.000.000)	
Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt	98.800.000.000	
- Mệnh giá trái phiếu	100.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(1.200.000.000)	
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex	49.400.000.000	
- Mệnh giá trái phiếu	50.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(600.000.000)	

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
VietNam Debt Fund SPC	148.200.000.000	
- Mệnh giá trái phiếu	150.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(1.800.000.000)	
Ngân hàng TMCP Q.tế VIB VCN HCM	494.249.891.250	
- Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(5.750.108.750)	
Ngân hàng TMCP Bản Tiên Phong	296.549.934.750	
- Mệnh giá trái phiếu	300.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(3.450.065.250)	
Cộng	13.393.657.108.192	10.995.097.282.192

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/83576/HĐDH ngày 29 tháng 11 năm 2013 với số tiền vay 500 tỷ VND, thời hạn 10 năm để thực hiện dự án đầu tư "Bệnh viện đa khoa quốc tế Miền Đông - Giai đoạn I" bao gồm thanh toán tiền mua, nhập khẩu máy móc thiết bị y tế và chi phí xây dựng cơ bản, lãi suất vay áp dụng cơ chế lãi suất thả nổi và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:
 - Giá trị quyền sử dụng đất ở chính khu đất đang xây dựng bệnh viện của Tổng Công ty theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 20 tháng 11 năm 2013;
 - Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án đầu tư bao gồm: công trình xây dựng bệnh viện, nhà văn phòng, cơ sở hạ tầng gắn liền với quyền sử dụng đất và máy móc trang thiết bị y tế thuộc dự án;
 - Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Tổng Công ty tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác (xem thuyết minh số V.1 và V.2a);
 - Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Tổng Công ty và đối tác khác mà Tổng Công ty là người thụ hưởng. Toàn bộ các khoản phải thu, nguyên vật liệu - hàng hóa tồn kho, chi phí sản xuất dở dang bảo đảm nợ vay cho ngân hàng.
- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/83576/HĐDH ngày 30 tháng 12 năm 2013 với hạn mức vay là 154.316 triệu VND, thời hạn vay là 36 tháng để "Xây dựng nhà ở an sinh xã hội Becamex – Khu 1 B Mỹ Phước 1", lãi suất vay áp dụng cơ chế lãi suất thả nổi và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng 76 Quyền sử dụng đất tại xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, giá trị tài sản được định giá là 1.090.883 triệu VND.
- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/83576/HĐDH ngày 30 tháng 12 năm 2013 với hạn mức vay là 269.293 triệu VND, thời hạn vay là 36 tháng để "Xây dựng nhà ở an sinh xã hội Becamex – Khu Hòa Lợi", lãi suất vay áp dụng cơ chế lãi suất thả nổi và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng 76 Quyền sử dụng đất tại xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, giá trị tài sản được định giá là 1.090.883 triệu VND.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 040D13 ngày 27 tháng 9 năm 2013 với số tiền 600 tỷ VND, thời hạn 84 tháng để bù đắp phần chi phí đền bù giải tỏa Khu công nghiệp Bàu Bàng và thanh toán các chi phí đầu tư thi công cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:

- Quyền sử dụng đất tổng diện tích 1.529.292 m² tại Khu công nghiệp Bàu Bàng;
- Toàn bộ quyền kinh doanh và khai thác Khu công nghiệp Bàu Bàng.

(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng số 07/2010/HĐTD-DA (MP-TV) ngày 07 tháng 10 năm 2010 với số tiền 1.500 tỷ

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VND, thời hạn 120 tháng, lãi suất được xác định theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam ban hành cộng biên độ 3,5%/năm để thực hiện Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền tài sản Dự án xây dựng đường Mỹ Phước - Tân Vạn.

(iv) Khoản vay Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng số 06/2007/HĐTD ngày 23 tháng 05 năm 2007 với lãi suất 0,3%/tháng thời hạn 99 tháng kể từ ngày nhận khoản giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn 15 tháng) để đầu tư xây dựng các hạng mục của dự án "Đầu tư khu cư xá công nhân Mỹ Phước ". Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là " Khu cư xá công nhân Mỹ Phước ".
- Hợp đồng số 12/2010/HĐTD ngày 14 tháng 12 năm 2010 với lãi suất 09%/năm, thời hạn 15 năm kể từ ngày nhận khoản giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn 04 năm) để đầu tư xây dựng các hạng mục của dự án "Đầu tư đường Mỹ Phước - Tân Vạn". Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là "Quyền quản lý & thu phí giao thông đường Mỹ Phước Tân Vạn".
- Hợp đồng số 05/2016/HĐTD-TDH ngày 21 tháng 6 năm 2016 và hợp đồng số 06/2016/HĐTD-TDH ngày 8 tháng 8 năm 2016 với lãi suất 6%/năm, và được điều chỉnh theo từng lần giải ngân, thời hạn 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên để bổ sung nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền thu cổ tức của các công ty con, công ty liên kết trong năm 2016-2017.

(v) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần dầu khí Toàn Cầu nay chuyển cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam để huy động vốn trung dài hạn để thực hiện dự án "Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ - đô thị Bình Dương":

Đợt 1: Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày hoán đổi là ngày 31 tháng 12 năm 2014. Lãi suất 11,5%/năm cho kỳ đầu tiên, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng đối với Đồng Việt Nam công bố tại sở giao dịch của bốn ngân hàng thương mại: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.

Tài sản đảm bảo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721568 với diện tích 183.089,1 m² tại xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721652 với diện tích 104.215 m² tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 927766 với diện tích 50.519 m² tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đợt 2: Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 1.000 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày hoán đổi là ngày 17 tháng 11 năm 2015. Lãi suất 10,5%/năm cho kỳ đầu tiên, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng đối với Đồng Việt Nam công bố tại sở giao dịch của bốn ngân hàng thương mại: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.

Tài sản đảm bảo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721591 với diện tích 111.104 m² tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721595 với diện tích 69.189,2 m² ở xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (vi) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hành là ngày 30 tháng 12 năm 2013. Lãi suất 13,5%/năm cho năm đầu tiên, các năm sau lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả sau của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai cộng biên độ 4%/năm.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trên đất của Tổng Công ty trên diện tích 265.437 m² đất ở và 264.022 m² đất Trường Đại học - Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ - đô thị Bình Dương; Cầm cố các sổ tiền gửi có kỳ hạn số tiền 180 tỷ VND tại Ngân hàng này.

- (vii) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam sau đó chuyển cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Mê Kông với số tiền 400 tỷ VND và Ngân hàng TNHH Indovina với số tiền 100 tỷ VND, trong năm Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông đã chuyển lại cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam số tiền 400 tỷ VND

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 1.500 tỷ VND để đầu tư cho khu liên hiệp như: nhà khách thuộc Khu hành chính tập trung, nhà công vụ tỉnh Bình Dương; 03 tuyến đường dẫn nối từ khu liên hiệp qua huyện Tân Uyên; khu nhà ở xã hội Hòa Lợi; khu nhà phố liền kề C2-C4; Cơ cấu nguồn vốn ngắn hạn sang vốn dài hạn để đầu tư vào các dự án khu liên hiệp như Trường Đại học Quốc tế Miền Đông; nhà ở xã hội Hòa Lợi; 6 tuyến đường tạo lực (từ 2-7); 3 tuyến đường dẫn nối từ khu liên hiệp qua huyện Tân Uyên. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng mệnh giá, thời hạn 5 năm kể từ ngày phát hành là ngày 04 tháng 3 năm 2014. Trái phiếu có lãi suất cố định kỳ tính lãi đầu tiên, kỳ thứ hai là 14%/năm và bằng tổng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm từ kỳ tính lãi thứ ba.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng 13.511 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 1.817,7 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Khu đô thị mới); Quyền sử dụng 13.161,3 m² đất tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 76.953,3 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 109.570,6 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Khu đô thị mới); Quyền sử dụng 65.230,7 m² đất tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 34.219,2 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 39.740,5 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- (viii) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt:

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 200 tỷ VND để cơ cấu, tái cấu trúc tài chính của doanh nghiệp. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 5 năm kể từ ngày phát hành là ngày 28 tháng 02 năm 2014. Trái phiếu có lãi suất cố định kỳ tính lãi đầu tiên là 14%/năm và bằng tổng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm từ kỳ tính lãi thứ hai.

Tài sản đảm bảo: Giá trị quyền sử dụng 40.667 m² đất tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- (ix) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng liên doanh Việt – Nga, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Ngân Lược, Ngân hàng TNHH Indovina, Ngân hàng TNHH Indovina sau đó chuyển cho Ngân hàng TMCP Bảo Việt với số tiền 300 tỷ VND

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND để cơ cấu, tái cấu trúc tài chính của doanh nghiệp. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 5 năm kể từ ngày phát hành là ngày 17 tháng 11 năm 2015. Trái phiếu có lãi suất cố định kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm và bằng tổng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm từ kỳ tính lãi thứ hai.

Tài sản đảm bảo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721609, AN721594, AN721597 với tổng diện tích 115.367,6 m² tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B1645797, B0594541, B0594540, B0594537, B0594545, B0594543, AN721572, AN721574, B1645752, B1645785 với tổng diện tích 220.573,7 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721586 với diện tích 14.577 m² tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B1645785.

Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ AIA Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam-Chi nhánh Bình Dương

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 1.500 tỷ VND để cơ cấu, tái cấu trúc tài chính của doanh nghiệp. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 5 năm kể từ ngày phát hành là ngày 17 tháng 11 năm 2016. Trái phiếu có lãi suất cố định kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm và bằng tổng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm từ kỳ tính lãi thứ hai.

Tài sản đảm bảo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721517, AN721516 với diện tích 128.339,6 m² tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721610 với tổng diện tích 102.773,9 m² tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B1645776, B1645777 với tổng diện tích 32.619,4 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	2.354.970.000.000	103.940.000.000	1.955.520.000.000	295.510.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	286.000.000.000	63.000.000.000	178.000.000.000	45.000.000.000
Trái phiếu thường	10.919.627.108.192		10.919.627.108.192	
Cộng	13.560.597.108.192	166.940.000.000	13.053.147.108.192	340.510.000.000
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	1.364.910.000.000	207.880.000.000	861.520.000.000	295.510.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	290.000.000.000	67.000.000.000	178.000.000.000	45.000.000.000
Trái phiếu thường	9.615.067.282.192		9.615.067.282.192	
Cộng	11.269.977.282.192	274.880.000.000	10.654.587.282.192	340.510.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Chuyển quỹ	Số cuối năm
Số đầu năm	Tăng khác			

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Chuyển quỹ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	18.022.865.705			16.075.186.099		1.947.679.606
Quỹ phúc lợi	3.820.563.308		103.263.000	4.556.500.000		(632.673.692)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.407.597.500			190.872.720		2.216.724.780
Cộng	24.251.026.513		103.263.000	20.822.558.819		3.531.730.694

21. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		
Chi cho hoạt động khoa học và công nghệ		
Hoàn nhập quỹ không sử dụng		
Số cuối năm		

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập theo Quyết định số 85/2011/QĐ-TC ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên theo hướng dẫn tại Thông tư 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính.

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu.

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ ĐTPT	Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	8.096.176.859.626	34.219.230.092	4.951.812.052		8.135.347.901.770
-Giảm vốn do cổ phần hóa Công ty Cổ phần nước môi trường BD	(131.307.149.116)				(131.307.149.116)
- Tăng vốn góp Công ty LD TNHH khu CN VN- SINGAPORE	29.339.504				29.339.504
- Giảm vốn do cổ phần hóa Công ty Cổ phần cao su BD	(13.142.723.867)				(13.142.723.867)
-Thu tiền về quỹ hỗ trợ sắp xếp DN từ Công ty CP nước môi trường BD			1.237.558.718.781		1.237.558.718.781
- Chi quỹ trong năm			(438.464.202)		(438.464.202)
- Phân chia lợi nhuận hợp tác KD với công ty CP HIKT				11.703.042.481	11.703.042.481
- Lợi nhuận trong năm		301.410.518.927		992.998.687.276	992.998.687.276
- Trích lập các quỹ				(331.331.918.686)	(29.921.399.759)
-Lợi nhuận nộp ngân sách nhà nước trong năm				(673.369.811.071)	(673.369.811.071)
-Trích lập các quỹ(theo BBKTNN)		2.316.723.963			2.316.723.963
Số dư đầu năm nay	7.951.756.326.147	337.946.472.982	1.242.072.066.631		9.531.774.865.760

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
nhập từ việc cho thuê		
Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại		2.991.392.584
Giảm giá hàng bán		613.520.602
		3.604.913.186
Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh bất động sản	421.540.512.033	858.703.923.754
Giá vốn xây dựng		53.355.522.863
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	7.016.413.943	
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.477.268.031	11.131.876.068
Giá vốn hoạt động khác	25.349.514.933	12.468.558.420
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ		
Cộng	457.383.708.940	935.659.881.105
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	68.312.494.753	37.490.417.060
Lãi tiền gửi không kỳ hạn		
Lãi tiền cho vay		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.892.356.200	31.333.905.710
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	300.525.678	33.992.020
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Lãi cổ tức chậm trả	12.236.956.843	
Lãi bán ngoại tệ	14.750	
Doanh thu tài chính khác		729.633
Cộng	96.742.348.224	68.859.044.423
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	117.969.722.038	75.727.134.090
Chiết khấu thanh toán cho người mua		
Phân bổ CP phát hành trái phiếu		210.521.441
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	665.112.235	
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	5.210.113.000	
Chi phí tài chính khác	156.103.728	1.205.779.624
Cộng	124.001.051.001	77.143.435.155
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	83.271.865.192	67.815.933.479

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	533.666.012	1.210.280.362
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.241.354.681	4.720.910.135
Chi phí quảng cáo, quảng bá đầu tư	44.047.748.539	67.617.979.644
Chi phí điện, nước, viễn thông	7.705.644.010	13.963.596.107
Các chi phí khác	45.577.793.445	33.990.849.148
Cộng	185.378.071.879	189.319.548.875
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	24.747.018.089	21.667.557.954
Chi phí vật liệu quản lý	1.786.393.419	1.891.489.029
Chi phí đồ dùng văn phòng	179.590.208	1.247.317.352
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.247.076.089	9.353.713.145
Thuế, phí và lệ phí	1.788.991.728	1.684.369.383
Tiền ăn, phụ cấp	7.630.500.000	7.219.520.000
Chi phí giao tế, tiếp khách	10.737.618.064	13.233.794.865
Các chi phí khác	13.439.194.656	12.787.816.448
Cộng	68.556.382.253	69.085.578.176
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		
Thu thù lao Hội đồng quản trị từ công ty con, công ty liên kết	1.532.291.362	1.344.189.745
Thu cho thuê, chuyển nhượng nhà đất, vườn cây cao su	1.338.706.363	2.336.833.810
Tiền phạt thu được		2.268.950.050
Trường ĐHQTMD		631.220.000
Thu do thanh lý tiền thuê đất		4.517.568.008
Thu bồi thường	29.711.832	
Thu nhập khác	158.657.716	144.641.874
Cộng	3.059.367.273	11.243.403.487
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	291.272.365	15.571.911.202
Tiền bồi thường, phạt	728.083.737	
Trường ĐHQTMD		631.220.000
Chi phí khác	4.269.777	813.469
Cộng	1.023.625.879	16.203.944.671
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.440.576.701	123.995.996.955
Chi phí nhân công	209.475.388.177	96.146.975.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.032.769.002	9.654.730.962
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.066.445.349.828	749.757.711.720
Chi phí dụng cụ đồ dùng	744.908.680	61.846.808

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế phí lệ phí	1.788.991.728	
Chi phí khác	69.053.794.141	690.673.476
Cộng	1.454.981.778.257	980.307.935.475

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống		35.185.810.853
Trên 01 năm đến 05 năm		140.743.243.413
Trên 05 năm		1.197.716.916.818
Cộng		1.373.645.971.084

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương		2.977.920.000
Tiền thưởng		372.240.000
Cộng		3.350.160.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	Công ty con
Công ty cổ phần phát triển đô thị	Công ty con

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty con
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty con
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty con
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước – môi trường Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần cao su Bình Dương	Công ty con
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Setia – Becamex	Công ty liên kết
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	Công ty liên kết
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex	Công ty con của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	Công ty con của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật
Công ty TNHH một thành viên cửa sổ mùa xuân	Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty TNHH một thành viên tư vấn đầu tư xây dựng Việt	Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	Công ty con của Công ty cổ phần bê tông Becamex
Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình	Công ty con của Công ty cổ phần bê tông Becamex
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên kết của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Chánh Phú Hòa	Công ty liên kết của Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước môi trường Bình Dương

Cam kết bảo lãnh

Tổng Công ty đã sử dụng một số tài sản để bảo đảm cho các khoản vay và phát hành trái phiếu của các công ty con như sau:

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 2909/2015/BĐ/MSBHCM, ngày 30/9/2015 với tổng diện tích 128.571,4 m² tại khu dân cư Hòa Lợi, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để đảm bảo cho Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương phát hành trái phiếu với tổng giá trị 500 tỷ đồng;
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1288/HĐTC, ngày 30/12/2014 với tổng diện tích 119.296,1 m² tại phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để đảm bảo cho Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương phát hành trái phiếu với tổng giá trị 400 tỷ đồng;

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2016/83520/HĐBĐ, ngày 28/6/2016 với tổng diện tích 107.551,3 m² tại khu dân cư Hòa Lợi, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để đảm bảo cho Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương vay dài hạn với tổng giá trị 544 tỷ đồng;
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2015/1728454/HĐBĐ, ngày 05/6/2015 với tổng diện tích 40.947,0 m² tại khu dân cư Hòa Lợi, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để đảm bảo cho Công Ty Cổ Phần Phát Triển Hạ tầng Kỹ Thuật vay dài hạn với tổng giá trị 150 tỷ đồng;
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1244.14/HĐTC-2, ngày 31/10/2014 với tổng diện tích 9.714,0 m² tại phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để đảm bảo cho Công Ty Cổ Phần Phát Triển Hạ tầng Kỹ Thuật phát hành trái phiếu với tổng giá trị 400 tỷ đồng

Công nợ với các bên liên quan khác

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Số liệu so sánh

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh số liệu theo báo cáo kiểm toán nhà nước năm 2016

Trong năm, Tổng Công ty điều chỉnh số dư đầu năm và số liệu so sánh năm trước theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 01 tháng 06 năm 2017 và Biên bản điều chỉnh của Tổng công ty ngày 10 tháng 06 năm 2017.

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán tổng hợp					
Hàng tồn kho	141	17.861.191.550.043	1.681.799.850	17.862.873.349.893	
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	170.693.782.425	(1.930.603.302)	168.763.179.123	
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	724.920.861.735	5.221.548.155	730.142.409.890	
Phải trả người lao động	314	27.940.024.375	1.261.279.502	29.201.303.877	
Tài sản cố định hữu hình	221	212.213.259.403	2.246.608.589	214.459.867.992	
Nguyên giá	222	552.724.145.414	4.901.691.465	557.625.836.879	
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(340.510.886.011)	(2.655.082.876)	(343.165.968.887)	
Tài sản cố định vô hình	227				
Nguyên giá	229	36.245.992.670	1.163.498.500	37.409.491.170	
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12.825.126.556.286	(8.015.498.523)	12.817.111.057.763	
Phải trả ngắn hạn khác	319	700.233.685.098	(53.499.140)	700.180.185.958	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24.066.885.422	184.141.091	24.251.026.513	
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15.695.071.723	36.457.852	15.731.529.575	
Chi phí trả trước dài hạn	261	8.607.356.218	(2.246.608.589)	6.360.747.629	
Quỹ đầu tư phát triển	418	335.629.749.019	2.316.723.963	337.946.472.982	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp					
Giá vốn hàng bán	11	3.081.897.948.787	123.556.176	3.082.021.504.963	
Chi phí bán hàng	25	451.369.896.390	(1.755.532.750)	449.614.363.640	
Chi phí quản lý DN	26	156.308.380.005	118.014.762	156.426.394.767	
Thu nhập khác	31	35.158.079.308	8.139.054.699	43.297.134.007	
Chi phí khác	32	6.339.841.320	1.930.603.302	8.270.444.622	

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
-------	--------------------------	----------------	------------------------	---------

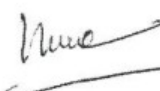
Ghi chú :

- Hàng tồn kho theo Biên bản Kiểm toán nhà nước kiểm năm 2016 ngày 01 tháng 06 năm 2017 số dư là :17.861.191.550.043 đ,và điều chỉnh bổ sung quyết toán năm 2016 sau kiểm toán tăng thêm 1.681.799.850 đ (DA0313: 790.669.450 đ ; DA0296 : 200.000.000 đ ;DA0314: 691.130.400 đ)
- Chi phí phải trả ngắn hạn theo Biên bản Kiểm toán nhà nước kiểm năm 2016 ngày 01 tháng 06 năm 2017 số dư là :12.825.126.556.286 đ,và điều chỉnh bổ sung quyết toán năm 2016 sau kiểm toán tăng thêm vốn trích khu CN Bàu bàng 123.556.176 đ và giảm tiền SDD của DA0280 - MP3 về thu nhập khác 8.139.054.699 đ
- Phải trả ngắn hạn theo Biên bản Kiểm toán nhà nước kiểm năm 2016 ngày 01 tháng 06 năm 2017 số dư là :700.233.685.098 đ,và điều chỉnh bổ sung quyết toán năm 2016 sau kiểm toán số tiền giảm chi phí QL về khoản chi phí đào tạo vận hành máy móc TB 53.499.140 đ
- Chi phí trả trước dài hạn theo Biên bản Kiểm toán nhà nước kiểm năm 2016 ngày 01 tháng 06 năm 2017 số dư là :8.643.814.070 đ,và điều chỉnh bổ sung quyết toán năm 2016 sau kiểm toán số tiền giảm chi phí Grand Square về TSCĐ 4.901.691.465 và tăng chi phí khấu hao Grand Square 2.655.082.876 đ
- Quỹ Đầu tư PT theo Biên bản Kiểm toán nhà nước kiểm năm 2016 ngày 01 tháng 06 năm 2017 số dư là :335.629.749.019 đ,và điều chỉnh bổ sung quyết toán năm 2016 sau kiểm toán số tiền tăng quỹ là 2.316.723.963 đ
- Tài sản CĐ hữu hình nguyên giá theo Biên bản Kiểm toán nhà nước kiểm năm 2016 ngày 01 tháng 06 năm 2017 số dư là :552.724.145.414 đ,và điều chỉnh bổ sung quyết toán năm 2016 sau kiểm toán số tiền tăng chi phí Grand Square về TSCĐ theo nguyên giá 2423 là 4.901.691.465 đ
- Giá trị hao mòn TSCĐ hữu hình theo Biên bản Kiểm toán nhà nước kiểm năm 2016 ngày 01 tháng 06 năm 2017 số dư là :340.510.886.011 đ,và điều chỉnh bổ sung quyết toán năm 2016 sau kiểm toán số tiền phân bổ chi phí Grand Square về khấu hao là 2.655.082.876 đ
- Tài sản CĐ vô hình nguyên giá theo Biên bản Kiểm toán nhà nước kiểm năm 2016 ngày 01 tháng 06 năm 2017 số dư là :36.245.992.670 đ,và điều chỉnh bổ sung quyết toán năm 2016 sau kiểm toán số tiền tăng chi phí bản quyền phần mềm Microsoft về TSCĐ là 1.163.498.500 đ

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2017


Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám Đốc



